

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/02/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

2. Ông Lê Văn Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu T - sinh năm 1997; HKTT: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; hiện ở: khu phố Đ, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh N- sinh năm 1995; địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trương Thị Thu T(chị T) trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh N(anh N) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 09/11/2017. Sau khi kết hôn, chị và anh N sống tại nhà cha mẹ chồng

tại khu phố L, phường X. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 3/2021 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N nhậu nhẹt, không lo làm ăn, chăm lo vợ con, dẫn đến vợ chồng cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay. Nay chị xác định chị và anh N không còn tình cảm vợ chồng, không quan tâm chia sẻ với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh K – sinh ngày 27/4/2018 (giới tính nam) hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu K, anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

*Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:* Thống nhất lời trình bày của chị T, anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào năm 2017. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, lối sống, không có sự quan tâm chia sẻ cho nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Anh và chị T đã nhiều lần hòa giải để hòa thuận sống chung nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên anh đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh K – sinh ngày 27/4/2018 (giới tính nam) hiện sống cùng chị T. Ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị T không nuôi được thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Vì bản thân anh đang làm nghề đồ mỹ nghệ tại nhà nhưng thu nhập không ổn định nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh N đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa

chị T và anh N; giao con Nguyễn Minh K cho chị T nuôi dưỡng, anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; đề nghị HĐXX không xem xét về tài sản chung và nợ chung do đương sự không có yêu cầu. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh N có hộ khẩu thường trú tại khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh N có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X ngày 09/11/2017 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T, anh N đều xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh N không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T, anh N.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Minh K – sinh ngày 27/4/2018 (giới tính nam). Thấy rằng từ thời điểm chị T, anh N sống ly thân đến nay, cháu K sống cùng chị T, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu K và nghề nghiệp, thu nhập của anh N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là một tháng lương cơ sở, tức 1.490.000đ/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 02/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị T, anh N thuận tình ly hôn nên chị T, anh N mỗi người phải chịu một nửa án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thu Thủy và anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh K– sinh ngày 27/4/2018. Giao cháu Nguyễn Minh K cho chị Trương Thị Thu T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh N cấp dưỡng nuôi con chung 1.490.000đ/tháng/cháu (*Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 02/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Trương Thị Thu T phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0005385 ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Hoàn lại cho chị Trương Thị Thu T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Chị Trương Thị Thu T, anh Nguyễn Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

### Nơi nhận:

- Đường sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND phường Xuân Phú (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Phạm Thị Ngọc Tiên**